

Số: 2384/QĐ-UBND

Quy Nhơn, ngày 03 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Công trình hoàn thành Xây dựng khu nhà vệ sinh Trụ sở làm việc Công an 113 thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ
Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính
Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 7451/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Chủ tịch
UBND thành phố Quy Nhơn về việc phê duyệt báo cáo KTKT và kế hoạch lựa
chọn nhà thầu Công trình Xây dựng khu nhà vệ sinh Trụ sở làm việc Công an
113 thành phố Quy Nhơn;

Xét Tờ trình số 488/TTr-CATP-CTHC ngày 22/02/2024 của Công an
thành phố về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Công trình Xây dựng khu nhà
vệ sinh Trụ sở làm việc Công an 113 thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Quy
Nhơn tại Báo cáo số 147/BC-TCKH ngày 25 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

- Tên dự án/công trình: Xây dựng khu nhà vệ sinh Trụ sở làm việc Công an
113 thành phố Quy Nhơn
- Chủ đầu tư: Công an thành phố
- Địa điểm thi công: Phường Nguyễn Văn Cừ - Tp. Quy Nhơn
- Thời gian khởi công và hoàn thành: 16/10/2023-31/10/2023

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	TMĐT của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng cộng	129.593.000	123.267.000
1	Chi phí xây dựng	108.050.000	108.050.000
2	Chi phí quản lý dự án	3.448.000	3.447.000

3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	10.573.000	10.572.000
	- CP lập BC KTKT	7.023.273	7.023.000
	- CP giám sát thi công	3.549.455	3.549.000
4	Chi phí khác	1.333.000	1.198.000
	- Chi phí bảo hiểm	129.660	
	- Phí thẩm định BC KTKT	500.000	500.000
	- CP thẩm tra phê duyệt quyết toán	703.397	698.000
5	Dự phòng chi	6.189.000	

2. Vốn đầu tư:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	TMĐT của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (CT, HM CT độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt (GTQT)	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với GTQT được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với GTQT được phê duyệt
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4-5</i>	<i>7=5-4</i>
	Tổng số	129.593.000	123.267.000	122.569.000	698.000	
1	Vốn đầu tư công	129.593.000	123.267.000	122.569.000	698.000	
1.1	Vốn Ngân sách nhà nước	129.593.000	123.267.000	122.569.000	698.000	
	Ngân sách thành phố	129.593.000	123.267.000	122.569.000	698.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					
2	Vốn khác (nếu có)					
2.1	Vốn...					
2.2	Vốn...					

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

DVT: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5
Tổng số	123.267.000			
1. Tài sản cố định	123.267.000			

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1 Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

4.2 Chi phí không tạo nên tài sản:

5. Vật tư thiết bị tồn đọng (nếu có)

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1/ Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1 Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	123.267.000	
1	Vốn đầu tư công	123.267.000	
1.1	Vốn Ngân sách nhà nước	123.267.000	
	Ngân sách thành phố	123.267.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật		
2	Vốn khác (nếu có)		
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn .. + Vốn... - Vốn ngân sách địa phương		

1.2 Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 25 tháng 4 năm 2024 là:

- Tổng nợ phải thu:

0 đồng

- Tổng nợ phải trả:

698.000 đồng

+ Chi phí thẩm tra quyết toán CTHT:

698.000 đồng

(Nguồn vốn thanh toán: Ngân sách Thành phố)

2/ Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: Đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
1	2	3
Công an thành phố	123.267.000	

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Công an thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Định, và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT và các PCT UBND TP;
- VP (LĐ+C17);
- Lưu: VT (15b).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Vịnh